



ISSN: 1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
TẠP CHÍ KHOA HỌC

KHOA HỌC GIÁO DỤC
Tập 15, Số 10 (2018): 54-64

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE

EDUCATION SCIENCE
Vol. 15, No. 10 (2018): 54-64

RUBRIC ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TẠO LẬP VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

*Nguyễn Thành Ngọc Bảo**

*Khoa Ngữ văn – Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
Ngày nhận bài: 22-4-2018; ngày nhận bài sửa: 03-7-2018; ngày duyệt đăng: 25-10-2018*

TÓM TẮT

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn từ sau năm 2018 xác định cần kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển năng lực. Bài viết đề xuất công cụ rubric để đánh giá năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học của học sinh trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu này.

Từ khóa: rubric, năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

ABSTRACT

*Rubric for Assessing Literary Argumentative Essay Writing Competency
for High School Students*

Language Arts and Literature Curriculum after year 2018 defines the requirement to test and assess students' performance toward competency. This paper suggests rubric as an assessment tool to assess Literary Argumentative Essay Writing Competency for High Schools Students to meet this requirement.

Keywords: rubric, literary argumentative essay writing competency.

Dự thảo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (tháng 4/2018) xác định môn Ngữ văn là môn học vừa có tính công cụ, vừa có tính thẩm mỹ – nhân văn nhằm hình thành và phát triển các năng lực (NL) chung và NL môn học như NL ngôn ngữ (thể hiện qua 4 kỹ năng đọc, viết, nói và nghe) và NL văn học (một biểu hiện của NL thẩm mỹ). Chương trình (CT) cũng đưa ra yêu cầu đánh giá (ĐG) các NL ngôn ngữ và NL văn học theo hướng ĐG NL. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đề xuất sử dụng công cụ rubric để ĐG NL tạo lập văn bản nghị luận văn học của học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT) trong CT Ngữ văn theo mô hình NL.

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

1.1. Yêu cầu về đánh giá kết quả giáo dục của Dự thảo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn từ sau năm 2018

Để thực hiện mục tiêu phát triển phẩm chất và NL của HS, Dự thảo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (tháng 4/2018) yêu cầu khi ĐG NL chung và NL đặc thù của môn Ngữ văn cần *kết hợp cả định tính và định lượng, thông qua các bài kiểm tra (đọc,*

* Email: nguyenthannhngocbao13282@gmail.com

viết, nói, trình bày), bài tập nghiên cứu với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, dựa trên yêu cầu cần đạt về NL đối với mỗi cấp lớp (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, tr. 93).

Đối với kỹ năng viết (thuộc NL ngôn ngữ của môn Ngữ văn), Dự thảo yêu cầu khi ĐG cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như: *i) nội dung; ii) kết cấu bài viết; iii) khả năng biểu đạt và lập luận; iv) hình thức ngôn ngữ và trình bày* (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, tr. 93).

Từ những định hướng ĐG của Dự thảo CT môn Ngữ văn (tháng 4/2018) có thể nhận thấy, nếu muốn ĐL các NL của môn Ngữ văn thì giáo viên cần xây dựng hệ thống tiêu chí và các mức độ đạt được tiêu chí của HS. Công cụ rubric là công cụ ĐG dựa trên tiêu chí, rất phù hợp với định hướng ĐG kết quả giáo dục theo NL. Đó là lí do chúng tôi chọn dùng rubric để ĐG NL tạo lập văn bản nghị luận văn học (NLVH) của HS THPT trong CT Ngữ văn từ sau năm 2018.

1.2. Cấu trúc năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học

Bản Dự thảo CT Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (tháng 4/2018) cho rằng “văn bản nghị luận” là *loại văn bản chủ yếu sử dụng lí lẽ và bằng chứng nhằm thuyết phục người đọc (người nghe) về vấn đề nhất định*. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, tr. 98). Như vậy, có thể nhận thấy *thuyết phục* chính là mục đích chính của loại văn bản này và đặc trưng của nó chính là *lí lẽ và bằng chứng*.

Bản Dự thảo cũng đưa ra quan niệm “văn bản văn học” là “loại văn bản có hình thức biểu đạt mang tính nghệ thuật, có giá trị thẩm mỹ, có thể sử dụng tưởng tượng, hư cấu (văn bản văn học hư cấu, như tiểu thuyết, truyện ngắn...) hoặc không (văn bản văn học phi hư cấu, như phóng sự, hồi kí...) nhằm thể hiện tư tưởng, tình cảm, cảm xúc của người viết” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, tr. 105).

Chúng tôi quan niệm *NL tạo lập văn bản NLVH là khả năng tạo ra một văn bản NLVH ở dạng nói hoặc viết, hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, thể hiện cách thức tổ chức, xây dựng văn bản đúng quy cách của văn bản NLVH và có ý nghĩa*.

Tuy nhiên, để đánh giá NL tạo lập văn bản NLVH của HS THPT, trước tiên phải xác định được cấu trúc NL tạo lập văn bản văn học. Theo chúng tôi, NL này bao gồm 6 thành tố:

- Nhận biết vấn đề văn học cần nghị luận;
- Cảm thụ thẩm mỹ vấn đề văn học được nêu ra trong đề bài;
- Tổ chức văn bản phù hợp với đặc trưng kiểu bài NLVH;
- Lập luận để thuyết phục;
- Diễn đạt để thuyết phục;
- Sáng tạo về ý tưởng, cảm xúc và cách thức diễn đạt.

1.3. Khái quát về rubric

1.3.1. Khái niệm rubric

Nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam đã đưa ra những quan niệm và định nghĩa khác nhau về rubric. Nhìn chung, có thể phân chia các quan niệm về rubric thành ba

nhóm: (1) nhóm định nghĩa rubric là công cụ cho điểm hoặc ĐG; (2) nhóm định nghĩa rubric là bảng hướng dẫn ĐG hoặc bảng mô tả các tiêu chí; (3) nhóm định nghĩa rubric là thang ĐG hoặc thang xếp loại.

Nhóm định nghĩa rubric là công cụ cho điểm hoặc ĐG có đại diện là Goodrich và Stevens. Theo Goodrich, H. (2014), rubric là một công cụ dùng để cho điểm bằng cách liệt kê tất cả các tiêu chí ĐG một bài tập/bài làm hay công việc mà HS đang thực hiện bằng cách mô tả chi tiết các thứ bậc để ĐG chất lượng cho từng tiêu chí, từ xuất sắc cho đến kém.

Đa số các nhà nghiên cứu quan niệm rubric là bảng hướng dẫn ĐG hoặc bảng mô tả các tiêu chí ĐG được sắp xếp theo thứ bậc. Chẳng hạn, Cordiner (2011), cho rằng rubric là *bảng danh mục các tiêu chí ĐG mô tả chi tiết các cấp độ đáp ứng của người học với các nhiệm vụ học tập. Rubric là ĐG dựa vào các tiêu chí đã được xác định ngay từ đầu, mà không so sánh đối chiếu NL của HS này với HS khác.* Ở Việt Nam, nhiều nhà nghiên cứu cũng thống nhất rubric là bảng mô tả đầy đủ và cụ thể các tiêu chí ĐG (Nguyễn Đức Chính, 2005; Tôn Quang Cường, 2009; Trần Kiều và Nguyễn Thị Lan Phương, 2009).

Nhóm định nghĩa rubric là thang ĐG hoặc thang xếp loại, người tiêu biểu là Martin-Kniep G. Trong công trình *Becoming a good teacher* (2000), tác giả định nghĩa rubric là thang xếp loại dùng để xác định và phân biệt trình độ học tập. Nguyễn Kim Dung (2010), cũng dịch rubric là thang ĐG/thang mức độ và cho rằng rubric là hệ thống cho điểm theo các tiêu chí ĐG cho trước, nêu rõ người chấm ĐG bài theo những kì vọng nào và mô tả các cấp độ tiêu chí dùng để ĐG.

Có thể nhận thấy dù được diễn giải theo những cách khác nhau nhưng những định nghĩa nêu trên đều thống nhất ở quan điểm: *Rubric là một công cụ ĐG kết quả làm việc dựa vào các tiêu chí xác định trước và có phân loại theo các thứ bậc xếp hạng cho từng tiêu chí.* Chúng tôi quan niệm rubric là một tập hợp các tiêu chí (được cụ thể hóa thành các chỉ báo, chỉ số hay các biểu hiện hành vi có thể quan sát được, đo đếm được) thể hiện mức độ đạt được của mục tiêu học tập và được sử dụng để ĐG hoặc thông báo về sản phẩm, NL thực hiện, hoặc quá trình thực hiện nhiệm vụ của người học.

1.3.2. Các bộ phận cấu thành và đặc điểm của rubric

Theo Goodrich, H. (2014) rubric bao gồm các đặc điểm sau:

- Được viết theo cách mà HS có thể hiểu được;
- Xác định và mô tả chất lượng của bài viết;
- Chỉ ra những điểm yếu thường gặp trong bài viết của HS và đề ra cách thức để tránh;
- Có thể được sử dụng để HS tự ĐG sự tiến bộ qua các bài viết của mình và nhờ đó chỉ dẫn HS cách điều chỉnh và phát triển.

Những đặc điểm này khiến rubric có thể trở thành một công cụ dạy học hiệu quả, nhất là đối với lĩnh vực dạy học viết.

Cũng theo Goodrich, H. (2014), một rubric có cấu trúc gồm bốn phần cơ bản: *mô tả nhiệm vụ công việc* (công việc được giao của HS), *khung ĐG hay các bậc tiêu chuẩn ĐG* (ở hình thức các mức độ đáp ứng yêu cầu hoặc hình thức điểm số), *các khía cạnh hay các tiêu chí ĐG kết quả* (liệt kê các kỹ năng hay kiến thức cần có đối với công việc được giao) và *các mô tả đối với từng mức độ chất lượng* của kết quả đạt được cho từng tiêu chí ĐG.

Theo Nguyễn Kim Dung (2010), thành phần của rubric bao gồm các yếu tố sau: *mô tả bài tập/công việc/nhiệm vụ; các chiều; thang đo hoặc các mức độ thành tích* và *mô tả các chiều*. Rubric chia các bài tập thành nhiều phần và mô tả chi tiết các mức độ thực hiện.

Martin Kniep, G. (2000), cho rằng một rubric cơ bản chỉ bao gồm ba thành phần là: nội dung, hình thức (cấu trúc) và cách trình bày (bố cục) không có phần mô tả nhiệm vụ.

Có thể nhận thấy ba ý kiến trên tuy diễn đạt khác nhau nhưng tương đồng ở chỗ cho rằng một rubric cơ bản cần đảm bảo ba thành phần chính là: **các tiêu chí ĐG; các mức độ đạt được tiêu chí ĐG và mô tả các tiêu chí ĐG**. Mặc dù định dạng của các rubric có thể khác nhau, nhưng nhìn chung một rubric có hai đặc điểm chính: *rubric là một danh sách các tiêu chí hoặc những gì sẽ được ĐG của một dự án hoặc một nhiệm vụ học tập; là một sự phân loại về chất lượng, hoặc sự mô tả những bài viết tốt, khá và có vấn đề*.

1.4. Các tiêu chí và mức điểm cho từng tiêu chí trong rubric đánh giá năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học

1.4.1. Xác định các tiêu chí đánh giá của rubric

NL tạo lập văn bản NLVH được cấu thành bởi ba thành tố chính là **kiến thức** về cách thức tạo lập và đặc trưng kiểu bài NLVH; **kỹ năng** tạo lập kiểu bài NLVH và **thái độ** đúng đắn, phù hợp khi tạo lập kiểu bài này. Trong cấu trúc NL tạo lập văn bản NLVH, kỹ năng là yếu tố cơ sở để ĐG NL này của HS. Vì thế, chúng tôi xác định cần ĐG những kỹ năng sau:

- Kỹ năng **nhận biết và trình bày quan điểm** về **vấn đề văn học** được yêu cầu trong đề bài;
- Kỹ năng **cảm thụ thẩm mỹ vấn đề văn học được nêu ra trong đề bài**;
- Kỹ năng **tổ chức bài văn** theo đúng yêu cầu của kiểu bài NLVH;
- Kỹ năng **lập luận** để thuyết phục người đọc đồng tình với quan điểm và đồng cảm với mình về vấn đề nghị luận;
- Kỹ năng **diễn đạt** để thuyết phục;
- ĐG sự **sáng tạo** về ý tưởng, cảm xúc và cách thức diễn đạt.

Về cơ bản, tiêu chí đánh giá NL tạo lập kiểu bài NLVH không có khác biệt nhiều so với kiểu bài NLXH. Tuy nhiên, đối với kiểu bài NLVH, cần phải đánh giá thêm **kỹ năng cảm thụ thẩm mỹ** của HS. Vì thế, để xác định tiêu chí nhằm ĐG kỹ năng này chúng ta cần tìm hiểu đôi nét về NL cảm thụ thẩm mỹ với tư cách là NL chuyên môn mà môn Ngữ văn có nhiệm vụ hình thành cho HS. Với tư cách là một thành tố của NL tạo lập văn bản NLVH, cảm thụ thẩm mỹ được xem như là một **kỹ năng thành phần** (chúng tôi nhấn mạnh) quan trọng mà HS cần phải có khi tạo lập văn bản NLVH.

Tài liệu *Dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh môn Ngữ văn cấp THPT (2014)* quan niệm “Năng lực cảm thụ thẩm mỹ thể hiện khả năng của mỗi cá nhân trong việc nhận ra được các giá trị thẩm mỹ của sự vật, hiện tượng, con người và cuộc sống, thông qua những cảm nhận, rung động trước cái đẹp và cái thiện, từ đó biết hướng những suy nghĩ, hành vi của mình theo cái đẹp, cái thiện” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014, tr. 51)

Theo đó, NL cảm thụ thẩm mỹ thường được thể hiện ở một số nội dung sau:

- Nhận thức được các cảm xúc của bản thân;
- Làm chủ các cảm xúc của bản thân;
- Nhận biết các cảm xúc của người khác và những biểu hiện của cuộc sống từ phương diện thẩm mỹ;
- Làm chủ những liên hệ, những giá trị của con người và cuộc sống.

CT Giáo dục phổ thông (GDPT) tổng thể (tháng 7/2017) cũng xác định NL thẩm mỹ là một trong những NL chuyên môn mà HS cần được hình thành và phát triển. CT GDPT tổng thể xác định NL thẩm mỹ có 3 biểu hiện chính xếp theo các mức độ từ thấp đến cao:

- Nhận biết các yếu tố thẩm mỹ (cái đẹp, cái bi, cái hài, cái chân, cái thiện, cái cao cả);
- Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mỹ;
- Tái hiện và tạo tác các yếu tố thẩm mỹ.

Tương đồng với quan niệm về NL thẩm mỹ của CT GDPT tổng thể, Nguyễn Xuân Lạc¹ (2017) cho rằng “năng lực thẩm mỹ gồm hai năng lực nối tiếp nhau trong quá trình tiếp xúc với vẻ đẹp của tác phẩm văn chương và tiếng Việt”. Đó là “năng lực khám phá cái đẹp và năng lực thưởng thức cái đẹp. [...] Năng lực khám phá cái đẹp lại gồm năng lực phát hiện cái đẹp và những rung động thẩm mỹ. [...] Còn năng lực thưởng thức cái đẹp chính là năng lực cảm thụ cái đẹp và đánh giá cái đẹp ấy... Từ đó, tác giả cho rằng “trong năng lực thẩm mỹ có cả yếu tố cảm xúc (rung động thẩm mỹ) và yếu tố lí trí (nhận xét, đánh giá...); hai yếu tố này thường gắn bó, hòa quyện với nhau trong quá trình người học tiếp xúc với vẻ đẹp của văn chương và tiếng Việt”. Có thể nhận thấy, ý kiến của Nguyễn Xuân Lạc tương đồng với 2 mức độ *Nhận biết các yếu tố thẩm mỹ* và *Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mỹ* theo quan niệm về NL thẩm mỹ của CT GDPT tổng thể.

Theo Nguyễn Thị Hồng Vân (2017), NL thẩm mỹ trong môn Ngữ văn được thể hiện ở những phương diện chính sau:

- Nhận ra được *vẻ đẹp của tiếng Việt*, biết *rung động* trước những hình ảnh, hình tượng được khơi gợi trong các tác phẩm về thiên nhiên, con người, cuộc sống thông qua *ngôn ngữ nghệ thuật*.
- Nhận ra được những *giá trị thẩm mỹ được thể hiện trong tác phẩm văn học*: cái đẹp, cái xấu, cái hài, cái bi, cái cao cả, cái thấp hèn... *đánh giá được tính thẩm mỹ và giá trị văn hóa* của các sự vật, hiện tượng, quá trình trong tự nhiên, đời sống xã hội và nghệ thuật.

¹<http://giaoducthoidai.vn/trao-doi/phat-trien-nang-luc-nguoi-hoc-qua-mon-ngu-van-3749601.html> ngày 3.9.2017

- Nhận thức được những *giá trị của bản thân* qua việc cảm hiểu tác phẩm văn học; hình thành và nâng cao *nhận thức và xúc cảm thẩm mỹ* của cá nhân; có những hành vi đẹp đối với bản thân và các mối quan hệ xã hội; hình thành *thế giới quan thẩm mỹ* cho bản thân qua việc tiếp nhận tác phẩm văn học.

- *Giới thiệu được biểu hiện của cái đẹp* trong tự nhiên, trong đời sống xã hội, trong nghệ thuật; *chia sẻ cảm xúc* với người khác; *đề xuất được ý tưởng, sáng tạo được* các sản phẩm có tính thẩm mỹ mang dấu ấn cá nhân.

Như vậy, theo Nguyễn Thị Hồng Vân, NL cảm thụ thẩm mỹ biểu hiện thông qua việc người viết cảm nhận được *vẻ đẹp của ngôn từ; vẻ đẹp của hình tượng nghệ thuật; vẻ đẹp của đời sống, con người được thể hiện bằng ngôn từ nghệ thuật*. Từ việc cảm nhận những giá trị thẩm mỹ, người viết sẽ đánh giá tính thẩm mỹ của tác phẩm văn học cần nghị luận. Hơn nữa, ở mức độ cao hơn, người viết thông qua bài văn NLVH có thể chia sẻ những cảm xúc thẩm mỹ với người đọc, đề xuất được những ý tưởng sáng tạo riêng của bản thân.

Dự thảo CT môn Ngữ văn theo mô hình NL (tháng 4/2018) xác định “NL văn học là biểu hiện đặc thù của năng lực thẩm mỹ. Thông qua việc tiếp cận với tiếng Việt văn hóa và những hình tượng nghệ thuật trong các văn bản văn học, Chương trình môn Ngữ văn giúp học sinh hình thành, phát triển khả năng đọc văn bản văn học; cảm thụ, phân tích, đánh giá văn học; tư duy hình tượng; xúc cảm thẩm mỹ và định hướng thị hiếu lành mạnh, góp phần hoàn thiện nhân cách” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, tr. 11). Biểu hiện cụ thể của NL văn học được mô tả như sau:

- *Tiếp nhận đúng và sáng tạo các thông điệp nội dung (nghĩa, ý nghĩa, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng) của tác phẩm;*

- *Nêu ra và phân tích được những giá trị thẩm mỹ thể hiện trong tác phẩm văn học (cái đẹp, cái xấu cái bi, cái hài, cái cao cả, cái thấp hèn), những đặc sắc về hình thức ngôn từ trong các tác phẩm văn học, từ đó hiểu và đánh giá được giá trị tư tưởng, cảm hứng nhân văn và tài năng nghệ thuật của tác giả được thể hiện qua tác phẩm;*

- *Biết cách trình bày (viết và nói) kết quả cảm nhận và lí giải giá trị của tác phẩm văn học, tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc; bước đầu tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học;*

- *Có khả năng tưởng tượng và liên tưởng, hứng thú và xúc động trước những hình ảnh cao đẹp về thiên nhiên, con người, cuộc sống trong văn học; biết làm chủ tình cảm, có hành vi ứng xử phù hợp trước các tình huống trong đời sống.*

Trên cơ sở tiếp thu các quan niệm về NL văn học nêu trên và những định hướng từ CT Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo mô hình NL, chúng tôi cho rằng NL cảm thụ thẩm mỹ là NL đặc thù của môn Ngữ văn, gắn với tư duy hình tượng trong việc tiếp nhận tác phẩm văn học của HS. Vì thế NL cảm thụ thẩm mỹ của HS được *biểu hiện thông qua bài văn NLVH* ở các phương diện sau:

- Bộc lộ sự cảm nhận *vẻ đẹp của ngôn ngữ văn học, vẻ đẹp của hình ảnh, hình tượng văn học* được khơi gợi thông qua tác phẩm;
- Nêu ra và phân tích được những *giá trị thẩm mỹ* thể hiện trong tác phẩm, từ đó đánh giá được *giá trị tư tưởng và cảm hứng nhân văn của* tác giả thể hiện trong tác phẩm;
- *Thể hiện cảm xúc thẩm mỹ* liên quan đến tác phẩm với người đọc;
- *Trình bày những trải nghiệm* liên quan đến tác phẩm;
- Trình bày những *quan điểm và cách thức diễn đạt sáng tạo* có tính thẩm mỹ và mang dấu ấn cá nhân.

Như vậy, có thể ĐG NL cảm thụ thẩm mỹ của HS thông qua bài văn NLVH bằng những **chỉ số hành vi** như sau:

- Nêu ra và phân tích các *phương tiện nghệ thuật* mà tác giả sử dụng để đánh giá *giá trị thẩm mỹ của tác phẩm và phong cách nghệ thuật của tác giả*;
- Thể hiện *cảm xúc thẩm mỹ* về các hình ảnh, hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm;
- Trình bày những *trải nghiệm* liên quan đến tác phẩm cần nghị luận;
- Thể hiện *ý tưởng độc đáo, mang tính cá nhân và cách diễn đạt sáng tạo, mang tính thẩm mỹ*.

Tuy nhiên trong rubric đề xuất, NL cảm thụ thẩm mỹ không được ĐG riêng biệt mà những chỉ số hành vi của nó được lồng ghép vào các tiêu chí ĐG như ***vấn đề nghị luận, lập luận và sáng tạo***.

Các tiêu chí ĐG bài văn NLVH của rubric đề xuất được mô tả trong bảng sau:

Bảng 1. Mô tả các tiêu chí ĐG bài văn NLVH trong rubric đề xuất

1 Vấn đề nghị luận	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vấn đề văn học cần nghị luận - Thể hiện quan điểm, cảm xúc thẩm mỹ về các hình ảnh, hình tượng nghệ thuật, ngôn ngữ văn học thể hiện trong tác phẩm - Trình bày những trải nghiệm liên quan đến vấn đề nghị luận
2 Kết cấu bài văn	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức bài văn thành ba phần: mở bài, thân bài, kết bài - Phân đoạn hợp lí và mạch lạc - Tổ chức bài văn đáp ứng yêu cầu của từng kiểu bài NLVH - Trình bày các luận điểm nhằm làm rõ vấn đề văn học cần nghị luận, làm rõ các phương tiện nghệ thuật mà tác giả sử dụng nhằm ĐG giá trị tư tưởng, giá trị thẩm mỹ của tác phẩm và phong cách nghệ thuật của tác giả
3 Lập luận	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các phương pháp lập luận và lí lẽ phù hợp với luận điểm nhằm củng cố lập luận và thuyết phục người đọc - Sử dụng dẫn chứng lấy từ tác phẩm văn học, phù hợp với luận điểm và củng cố cho luận điểm - Trình bày và tranh luận với các lập luận phản bác trong quá trình nghị luận
4 Diễn đạt	Tuân thủ các quy định về chính tả, dùng từ và đặt câu; diễn đạt rõ ràng và mạch lạc; phong cách viết phù hợp với đề bài, mục đích viết và người đọc giả định
5 Sáng tạo	Thể hiện ý tưởng độc đáo, mang tính cá nhân và có cách diễn đạt sáng tạo, mang tính thẩm mỹ

1.4.2. Xác định mức điểm cho từng tiêu chí đánh giá của rubric

Mức điểm của mỗi tiêu chí đánh giá của rubric ĐG NL tạo lập văn bản NLVH cũng giống với rubric ĐG NL tạo lập văn bản NLXH chúng tôi đã xác định trong bài viết *Mô hình rubric đánh giá năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội của học sinh trung học phổ thông* (2017) Các mức điểm này được mô tả theo thang điểm 100 như sau:

Bảng 2. Mức điểm mỗi tiêu chí ĐG trong rubric ĐG NL tạo lập văn bản NLVH đề xuất

Vấn đề nghị luận	Cấu trúc bài văn	Lập luận	Diễn đạt	Sáng tạo
0 - 15	0 - 15	0 - 45	0 - 15	0 - 10

2. Đề xuất mô hình rubric đánh giá năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học của học sinh Trung học phổ thông

		Các mức độ đạt được tiêu chí			
		3	2	1	0
TIÊU CHÍ	Vấn đề nghị luận	- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận; thể hiện rõ quan điểm, cảm xúc thâm mĩ về các hình ảnh, hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm - Trình bày trải nghiệm liên quan đến vấn đề nghị luận một cách sâu sắc	-Xác định đúng vấn đề cần nghị luận; thể hiện nhưng chưa rõ quan điểm, cảm xúc thâm mĩ về các hình ảnh, hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm - Trình bày trải nghiệm liên quan đến vấn đề nghị luận	-Xác định không rõ và/hoặc không phù hợp vấn đề nghị luận dẫn đến thể hiện không rõ và/hoặc không phù hợp quan điểm, cảm xúc thâm mĩ về các hình ảnh, hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm - Trình bày trải nghiệm nhưng không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận	- Không xác định được hoặc xác định chưa chính xác vấn đề nghị luận - Không trình bày trải nghiệm liên quan đến vấn đề nghị luận
	Kết cấu bài văn	Bài viết đầy đủ ba phần: Mở bài, Thân bài và Kết bài; Mở bài và Kết bài có dung lượng cân đối	Bài viết đầy đủ ba phần: Mở bài, Thân bài và Kết bài nhưng Mở bài và Kết bài có dung lượng không cân đối	Bài viết không đầy đủ ba phần (thiếu Mở bài hoặc Kết bài)	Bài viết được trình bày không có cấu trúc ba phần

	Bài viết sắp xếp khéo léo trình tự các quan điểm, quan điểm phản bác, lí lẽ và dẫn chứng theo đúng yêu cầu của kiểu bài	Bài viết sắp xếp hợp lí trình tự các quan điểm, quan điểm phản bác, lí lẽ và dẫn chứng theo đúng yêu cầu của kiểu bài	Bài viết sắp xếp tương đối hợp lí trình tự các quan điểm, lí lẽ và dẫn chứng theo đúng yêu cầu của kiểu bài nhưng không đề cập đến quan điểm phản bác	Bài viết không được tổ chức một cách hợp lí, không đúng yêu cầu của kiểu bài
Lập luận	- Luận điểm phù hợp, rõ ràng, sâu sắc và tất cả được chứng minh bằng lí lẽ và dẫn chứng - Các luận điểm trình bày và phân tích thấu đáo giá trị của những phương tiện nghệ thuật mà tác giả sử dụng; đánh giá một cách sâu sắc giá trị nghệ thuật, giá trị thẩm mỹ của tác phẩm và phong cách nghệ thuật của tác giả	- Luận điểm tương đối phù hợp, rõ ràng và hầu hết được chứng minh bằng lí lẽ và dẫn chứng - Các luận điểm trình bày và phân tích sơ lược những phương tiện nghệ thuật mà tác giả sử dụng; đánh giá sơ lược giá trị nghệ thuật, giá trị thẩm mỹ của tác phẩm và phong cách nghệ thuật của tác giả	- Luận điểm không phù hợp, rõ ràng và không được chứng minh bằng lí lẽ và dẫn chứng - Các luận điểm chỉ trình bày mà không phân tích những phương tiện nghệ thuật mà tác giả sử dụng; không đánh giá giá trị nghệ thuật, giá trị thẩm mỹ của tác phẩm và phong cách nghệ thuật của tác giả	- Không nêu được luận điểm về vấn đề nghị luận hoặc điểm giải đề bài theo một cách khác
	- Hệ thống lí lẽ hợp lí, sâu sắc , được củng cố bằng dẫn chứng -Hệ thống lí lẽ được triển khai bằng các phương pháp lập luận hợp lí và từ ngữ lập luận đa dạng làm cho lập luận chặt chẽ và thuyết phục	- Hệ thống lí lẽ hợp lí , được củng cố bằng dẫn chứng -Hệ thống lí lẽ được triển khai bằng các phương pháp lập luận và từ ngữ lập luận làm cho lập luận tương đối chặt chẽ nhưng tính thuyết phục chưa cao	- Chỉ trình bày một vài lí lẽ, không được củng cố bằng dẫn chứng - Một vài lí lẽ được triển khai bằng một số phương pháp lập luận nhưng không phù hợp , có sử dụng một số từ ngữ lập luận nhưng chưa	Không biết cách tổ chức hệ thống lí lẽ kết hợp với dẫn chứng để chứng minh cho luận điểm

	<p>- Quan điểm phân bác được tranh luận thấu đáo và thuyết phục</p> <p>- Dẫn chứng phù hợp với luận điểm, tiêu biểu, phong phú</p> <p>- Dẫn chứng được phân tích thấu đáo gắn với lí lẽ</p> <p>-Dẫn chứng lấy từ tác phẩm cần nghị luận và tất cả được trích dẫn nguyên văn</p>	<p>- Giới thiệu quan điểm phân bác nhưng không tranh luận</p> <p>- Dẫn chứng phù hợp với luận điểm nhưng chưa tiêu biểu và phong phú</p> <p>- Dẫn chứng được phân tích gắn với lí lẽ nhưng chưa thấu đáo</p> <p>-Dẫn chứng lấy từ tác phẩm cần nghị luận và hầu hết được trích dẫn nguyên văn</p>	<p>hiệu quả làm cho lập luận lông lẻo, không thuyết phục</p> <p>- Không nêu quan điểm phân bác</p> <p>-Phần lớn dẫn chứng không phù hợp với luận điểm, không tiêu biểu và phong phú</p> <p>-Dẫn chứng không được phân tích</p> <p>-Dẫn chứng lấy từ tác phẩm cần nghị luận và hầu hết không được trích dẫn nguyên văn</p>	
				<p>Không biết cách đưa dẫn chứng để củng cố cho lí lẽ và luận điểm</p>
Diễn đạt	<p>Bài viết rõ ràng, mạch lạc, sâu sắc, hình thức và giọng điệu phù hợp với đề bài, mục đích thuyết phục và người đọc giả định</p>	<p>Bài viết rõ ràng và mạch lạc, hình thức và giọng điệu tương đối phù hợp với đề bài, mục đích thuyết phục và người đọc giả định</p>	<p>Bài viết tổ chức hiều đoạn không mạch lạc và có giọng điệu chưa phù hợp với đề bài, mục đích thuyết phục và người đọc giả định</p>	<p>Không tạo lập được bài viết rõ ràng và mạch lạc</p>
	<p>Hầu như không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu</p>	<p>Mắc dưới 5 lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu</p>	<p>Mắc từ 5 đến 10 lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu</p>	<p>Mắc nhiều hơn 10 lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu</p>
Sáng tạo	<p>Bài viết có hơn 2 ý tưởng độc đáo, mang tính cá nhân và/hoặc có cách diễn đạt sáng tạo, mang tính thẩm mỹ</p>	<p>Bài viết có 2 ý tưởng độc đáo, mang tính cá nhân và/hoặc có cách diễn đạt sáng tạo, mang tính thẩm mỹ</p>	<p>Bài viết có 1 ý tưởng độc đáo, mang tính cá nhân và/hoặc có cách diễn đạt sáng tạo, mang tính thẩm mỹ</p>	<p>Bài viết không có ý tưởng hay cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo</p>

3. Kết luận

Đánh giá theo hướng phát triển NL vừa là yêu cầu, vừa là mục tiêu của CT Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo mô hình NL từ sau năm 2018. Trên đây, chúng tôi vừa trình bày mô hình rubric ĐG NL tạo lập văn bản NLVH nhằm đáp ứng yêu cầu này. Rubric được đề xuất dựa trên cấu trúc của NL tạo lập văn bản NLVH và đặc trưng của kiểu bài NLVH. Rubric này có thể được GV sử dụng như một công cụ ĐG và công cụ giảng dạy; còn HS có thể sử dụng rubric như một công cụ tự ĐG và công cụ học tập. Vì tính chất hạn hẹp của một bài viết, chúng tôi chưa thể minh họa rubric chấm điểm một đề bài NLVH cụ thể, tuy nhiên rubric này cũng có thể xem là gợi ý bước đầu cho hướng ĐG theo NL trong môn Ngữ văn áp dụng ở Việt Nam từ sau năm 2018.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2014). Tài liệu Hội thảo *Đổi mới kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập môn Ngữ văn ở trường phổ thông*. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Dự thảo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (tháng 4/2018)*. Hà Nội.
- Nguyễn Đức Chính. (2005). *Đánh giá thực kết quả học tập trong giáo dục đại học và đào tạo nguồn nhân lực*. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Kim Dung. (2010). *Xây dựng các tiêu chí đánh giá nhận thức*. Viện Nghiên cứu Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tôn Quang Cường. (2009). Áp dụng đánh giá theo Rubric trong dạy học. *Tạp chí Giáo dục*, số 221, 47.
- Trần Kiều và Nguyễn Thị Lan Phương. (2009). *Chỉ đạo đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh*. Hà Nội.
- Nguyễn Thị Hồng Vân. (2017). Xác định cấu trúc và đường phát triển một số năng lực trong môn Ngữ văn ở trường phổ thông. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 137, 49-52.
- Giselle, O. Martin-Kniep. (2011). *Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi*. Hà Nội.
- Cordiner, M. (2011). *Guidelines for Good Assessment Practice*. University of Tasmania. Retrieved from http://www.teachinglearning.utas.edu.au/_data/assets/pdf_file/0004/158674/GAG_v16_webversion.pdf
- Goodrich, H. (2014). *Understanding Rubrics*. Retrieved from https://www.saddleback.edu/uploads/goe/understanding_rubrics_by_heidi_goodrich_andrade.pdf